

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
<b>E-ĐKC 1.4</b>	Chủ đầu tư là: <i>Chi nhánh Tổng công ty Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Thủ Đức - Địa chỉ: 647 Tỉnh lộ 43, phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh số điện thoại: 028.22180211; email: DLTD@hcmpec.com.vn</i>
<b>E-ĐKC 1.7</b>	Công trình bao gồm: <i>Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị và mua bảo hiểm công trình Sửa chữa lớn lưới hạ thế các trạm biến thế thuộc các tuyến dây Cầu Xây, Long Bình, Caric, Mỹ Thành năm 2026</i>
<b>E-ĐKC 1.10</b>	Địa điểm Công trường tại: <i>Khu vực 1, 2 thành phố Thủ Đức (cũ)</i> và được xác định trong Bản vẽ kèm theo PAKT.
<b>E-ĐKC 1.16</b>	Ngày hoàn thành là: <i>Trong vòng 120 ngày kể từ ngày có Lệnh khởi công hoặc Thông báo khởi công của Chủ đầu tư [ghi ngày]</i>
<b>E-ĐKC 1.17</b>	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: <i>Trong vòng 120 ngày kể từ ngày có Lệnh khởi công hoặc Thông báo khởi công của Chủ đầu tư.</i>
<b>E-ĐKC 1.18</b>	Ngày khởi công là: <i>15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, sẽ được ghi cụ thể trong Lệnh khởi công hoặc Thông báo khởi công của Chủ đầu tư.</i>
<b>E-ĐKC 1.19</b>	Nhà thầu là: <i>___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].</i>
<b>E-ĐKC 1.29</b>	- Tư vấn quản lý dự án: <i>Công ty Điện lực Thủ Đức;</i> - Tư vấn giám sát là: <i>Công ty Điện lực Thủ Đức, 647 Tỉnh lộ 43, Phường Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh</i>
<b>E-ĐKC 2.1</b>	Hoàn thành từng phần: <i>theo tiến độ thực hiện của công trình</i>
<b>E-ĐKC 2.3(i)</b>	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: <i>Thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình.</i>

<p><b>E-ĐKC 5.2</b></p>	<p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: <b>5%</b> giá hợp đồng [ghi giá trị cụ thể căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, từ 2% đến 10% giá hợp đồng].</p> <p>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến <i> khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định, cụ thể dự kiến đến ngày 30/09/2025</i></p> <p>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm, <i> trong vòng 07 ngày</i> trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</p>
<p><b>E-ĐKC 5.4</b></p>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i> Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 14 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</i></p>
<p><b>E-ĐKC 8.2(d)</b></p>	<p>Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá <b>07 ngày</b> kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.</p>
<p><b>E-ĐKC 8.8(a)</b></p>	<p>Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu <b>05 ngày</b> trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường</p>
<p><b>E-ĐKC 8.11</b></p>	<p>Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: <b>07 ngày</b> kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.</p>
<p><b>E-ĐKC 9.3</b></p>	<p>Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá <b>05 ngày</b> kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.</p>
<p><b>E-ĐKC 11.1</b></p>	<p>Danh sách nhà thầu phụ: _____ [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</p>
<p><b>E-ĐKC 11.2</b></p>	<p>Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: <b>30%</b> giá hợp đồng [Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT].</p>
<p><b>E-ĐKC 11.4</b></p>	<p>Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ _____ [ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)].</p>
<p><b>E-ĐKC 19.1</b></p>	<p>Yêu cầu về bảo hiểm:</p>

	<p><i>Nhà thầu chịu trách nhiệm mua bảo hiểm thi công xây dựng công trình (bao gồm cả vật tư thiết bị của Chủ đầu tư: vật tư thiết bị mới, vật tư thiết bị tháo dỡ thu hồi); thời gian bảo hiểm kể từ ngày khởi công công trình đến ngày hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng cộng với <b>36 tháng bảo hành</b> công trình theo qui định, phạm vi bảo hiểm gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Vật tư thiết bị (bao gồm VTTB do A cấp có tổng giá trị theo dự toán công trình là ..... <b>đồng</b>), B cấp, VTTB tháo dỡ thu hồi) lắp đặt cho công trình; xe máy, phương tiện thi công của nhà thầu phục vụ sử dụng cho việc thi công xây dựng công trình;</i></li> <li>- <i>Bảo hiểm tai nạn đối với người lao động thi công trên công trường;</i></li> <li>- <i>Bảo hiểm dân sự cho Bên thứ ba.</i></li> </ul>
<b>E-ĐKC 20.1(a)</b>	Thời gian bảo hành công trình <b>36 tháng</b> kể từ công trình được nghiệm thu và đưa vào sử dụng
<b>E-ĐKC 21</b>	Thông tin về Công trường là: <i>thuộc khu vực 1, 2 thành phố Thủ Đức (cũ)</i>
<b>E-ĐKC 24</b>	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: <i>Nhà thầu được quyền sử dụng công trường kể từ ngày bàn giao mặt bằng (ngày cụ thể sẽ được các bên thống nhất ghi trong Biên bản bàn giao).</i>
<b>E-ĐKC 27.2</b>	<p><b>Thời gian để tiến hành hòa giải:</b> <i>số ngày tiến hành hòa giải tối đa 28 ngày.</i></p> <p><b>Giải quyết tranh chấp:</b></p> <p><i>Khi giải quyết các tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng xây dựng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Các bên phải tuân thủ nguyên tắc và trình tự giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng được quy định tại Khoản 8 Điều 146 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.</i></li> <li>- <i>Trong thời hạn hai mươi tám (28) ngày kể từ ngày các bên nhận được kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp, nếu một bên không đồng ý kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp thì có quyền phản đối và các tranh chấp này sẽ được giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án theo quy định của pháp luật; trường hợp quá thời hạn nêu trên không bên nào phản đối kết luận hòa giải thì coi như các bên đã thống nhất với kết luận hòa giải. Khi đó, các bên phải thực hiện theo kết luận hòa giải.</i></li> </ul>

	<p>- Chi phí cho ban xử lý tranh chấp được tính trong giá hợp đồng xây dựng và do mỗi bên hợp đồng chịu một nửa, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p> <p>- Thời hiệu khởi kiện theo thủ tục Trọng tài hoặc thời hiệu khởi kiện lên Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.</p>
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>E-ĐKC 28</b>	<p>- Ngày khởi công: <b>theo Mục E-ĐKC 1.18.</b></p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: <b>theo Mục E-ĐKC 1.16.</b></p>
<b>E-ĐKC 29.1</b>	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng <b>05 ngày</b> từ ngày ký Hợp đồng và Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng cho Nhà thầu.
<b>E-ĐKC 29.4</b>	<p>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết:</p> <p><i>Ngay sau khi Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu nộp Biểu tiến độ thi công chi tiết, trong vòng 05 ngày Nhà thầu phải nộp Biểu tiến độ thi công cụ thể, trường hợp thực tế thi công không theo đúng tiến độ dự kiến hoặc do các trở ngại trong quá trình thi công, dẫn đến tiến độ thi công theo kế hoạch ban đầu không còn phù hợp, trong vòng 05 ngày kể từ ngày thực hiện không còn theo đúng kế hoạch và/hoặc ngày mà trở ngại làm ảnh hưởng đến tiến độ đã được các bên liên quan thống nhất phương án giải quyết, nhà thầu phải cập nhật lại Biểu tiến độ thi công chi tiết, thông qua giám sát A, trình Chủ đầu tư chấp thuận làm cơ sở triển khai thi công phần công việc còn.</i></p> <p>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật <b>5.888.109 VND</b> [ghi số tiền].</p>
<b>E-ĐKC 30.7</b>	<p>Các trường hợp khác: <b>Gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng do</b></p> <p>a) Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công, lịch cắt điện theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.</p> <p>b) Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hoả hoạn, dịch hoạ hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;</p> <p>c) Sự chậm trễ thực hiện hồ sơ thủ tục, chậm trễ bàn giao mặt bằng, trở ngại trên công trường không do lỗi của nhà thầu mà do Chủ đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư hay các nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra, người dân ngăn cản không cho thi công,...</p>

	<i>d) Chủ đầu tư chưa cấp đủ VTTB do A cấp theo hợp đồng hoặc chậm phối hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng.</i>
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>E-ĐKC 33.2</b>	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị:</p> <p><i>Tất cả vật tư, thiết bị (trừ các vật tư phụ, phụ gia có khối lượng nhỏ, vật tư phục vụ thi công) sử dụng trong thi công công trình (bao gồm VTTB do nhà thầu cấp) phải theo đúng tiêu chuẩn sản xuất và thử nghiệm nêu trong hồ sơ thiết kế, tiêu chuẩn Việt Nam và quy cách kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Tổng Công ty Điện lực TP.HCM và các quy định khác có liên quan; có đầy đủ chứng từ xuất xưởng, chứng nhận nguồn gốc xuất xứ, chứng nhận chất lượng, tài liệu kỹ thuật, cam kết bảo hành, hướng dẫn lắp đặt, vận hành, ... của Nhà sản xuất; có đầy đủ biên bản thử nghiệm do đơn vị thử nghiệm độc lập, hợp pháp ban hành.</i></p> <p><i>Đối với các thiết bị đóng cắt, bảo vệ, dây dẫn phải thử nghiệm đạt tiêu chuẩn vận hành trước khi lắp đặt (từ ngày thử nghiệm đến khi đóng điện không quá 6 tháng); các vật liệu cách điện, đà, phụ kiện, mẫu bê tông, ... phải có biên bản thử nghiệm đầy đủ các hạng mục thử bắt buộc theo yêu cầu HSMT, đối với mẫu bê tông thử theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Trường hợp nghi ngờ về chất lượng, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu lấy mẫu (không quá 5% tổng số lượng theo từng mặt hàng cung cấp cho gói thầu) thử nghiệm lại (tại đơn vị thử nghiệm độc lập, hợp pháp) các hạng mục theo yêu cầu HSMT, chi phí thử nghiệm do nhà thầu chịu. Trường hợp kết quả thử nghiệm không đạt, nhà thầu phải thay thế VTTB khác đáp ứng yêu cầu HSMT, thời gian này vẫn tính vào thời gian thực hiện hợp đồng.</i></p>
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 40</b>	Loại hợp đồng: <b><i>Trọn gói</i></b>
<b>E-ĐKC 41.1</b>	Giá hợp đồng: <b><i>Cố định.</i></b>
<b>E-ĐKC 42.1</b>	- Tạm ứng:

	<p>a) Sau khi nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng, giấy đề nghị tạm ứng, hợp đồng bảo hiểm (đính kèm các tài liệu liên quan) và bảo lãnh tiền tạm ứng có hiệu lực đến ...../...../2025, Chủ đầu tư sẽ ứng trước cho Nhà thầu 20% giá trị Hợp đồng (chưa thuế) tương ứng với số tiền làm tròn là ..... đồng, (Bằng chữ: ..... đồng).</p> <p>b) Số tiền tạm ứng này sẽ được Chủ đầu tư thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng như được quy định chi tiết tại Phụ lục Giá hợp đồng.</p> <p>c) Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán. Tỷ lệ giảm trừ sẽ dựa trên tỷ lệ thanh toán.</p> <p><b>- Thời gian tạm ứng:</b> Trong vòng 20 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đề nghị tạm ứng, bảo đảm tiền tạm ứng và các tài liệu liên quan.</p> <p><b>- Hoàn trả tiền tạm ứng:</b> + Số tiền tạm ứng này sẽ được Chủ đầu tư thu hồi theo tỷ lệ tương ứng ngay ở lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng. Nhà thầu phải đảm bảo rằng bảo đảm tiền tạm ứng là có giá trị và có hiệu lực cho đến khi kết thúc hoàn toàn việc thu hồi tạm ứng. + Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.</p> <p><b>- Gia hạn tạm ứng:</b> Nếu Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 10 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Chủ đầu tư trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực; nếu Nhà thầu không giao nộp đúng hạn thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Nhà thầu chi trả.</p>
<p><b>E-DKC 44.1</b></p>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <p><b>1. Điều kiện thanh toán</b></p> <p>(i) <b>Hình thức thanh toán: chuyển khoản.</b></p> <p>(ii) <b>Thanh toán giai đoạn:</b></p> <p>- Chủ đầu tư sẽ xem xét thanh toán cho Nhà thầu theo từng giai đoạn hoàn thành hạng mục công trình, công trình trên cơ sở nghiệm thu khối lượng và chất lượng xây lắp hoàn thành theo giai đoạn được Chủ đầu tư xác nhận.</p>

	<p>- Chủ đầu tư thanh toán đến <b>95%</b> giá trị mỗi lần thanh toán (giữ lại <b>5%</b> giá trị mỗi lần thanh toán) trong vòng <b>14 ngày làm việc</b> sau khi chủ đầu tư nhận được các hồ sơ theo quy định của hợp đồng.</p> <p><b>(iii) Thanh toán khi công trình hoàn thành:</b></p> <p>- Chủ đầu tư sẽ thanh toán đến <b>95%</b> giá trị khối lượng sau khi nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng (gồm cả phụ lục hợp đồng nếu có) và đã thực hiện nghiệm thu, quyết toán theo đúng quy định và Chủ đầu tư nhận được đầy đủ các <b>hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ quyết toán, Giấy đề nghị thanh toán, Hóa đơn hợp lệ của Nhà thầu, ....</b></p> <p>- Số tiền còn lại sẽ được thanh toán ngay sau khi có quyết định duyệt quyết toán công trình của cấp có thẩm quyền, theo nguyên tắc:</p> <p>+ Nếu số quyết toán được duyệt lớn hơn số tiền đã thanh toán (không bao gồm 5% tạm giữ) thì được thanh toán đủ theo số quyết toán.</p> <p>+ Nếu số quyết toán được duyệt nhỏ hơn số tiền đã thanh toán (không bao gồm 5% tạm giữ) thì Nhà thầu phải hoàn trả lại cho Chủ đầu tư số tiền thanh toán thừa.</p> <p>+ Nếu số quyết toán được duyệt bằng số tiền đã thanh toán (không bao gồm 5% tạm giữ) thì Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm cho Nhà thầu.</p> <p>- Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các Khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.</p> <p><b>2. Thời hạn thanh toán:</b> Sau khi nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo qui định của hợp đồng, Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu trong vòng <b>14 ngày</b> làm việc.</p>
<b>E-ĐKC 45</b>	<p>Điều chỉnh thuế: <b><i>được phép áp dụng điều chỉnh thuế;</i></b></p> <p><i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</i></p>
<b>E-ĐKC 46.1</b>	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: <b>5%</b>.</p>

<p><b>E-ĐKC 47.1(d)</b></p>	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng: <i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Nhà thầu phát hiện có trở ngại về mặt kỹ thuật, có sai sót trong thiết kế hoặc có yêu cầu thay đổi thiết kế cho phù hợp với hiện trường, Nhà thầu phải thông báo ngay cho <b>cán bộ giám sát A</b> để phối hợp với giám sát tác giả (Nhà thầu tư vấn thiết kế) và cán bộ chuyên quản của Chủ đầu tư cùng thống nhất biện pháp giải quyết kịp thời tại công trường. Mọi trường hợp đều phải lập biên bản đề nghị sửa đổi, bổ sung thiết kế và trình chủ đầu tư xem xét chấp thuận theo quy định.</i></p>
<p><b>E-ĐKC 47.7</b></p>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu <b>10 %</b> giá trị giảm giá hợp đồng.</p>
<p><b>E-ĐKC 49.1</b></p>	<p>Phạt vi phạm hợp đồng: <b>Đối với bên nhận thầu</b></p> <p><b>a) Nguyên tắc:</b> <i>Nội dung vi phạm đối với hợp đồng thi công xây dựng được quy định như sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Vi phạm tiến độ thi công theo hợp đồng đã ký (trường hợp chậm tiến độ); chậm tiến độ lập hồ sơ hoàn công, thanh quyết toán.</i></li> <li>- <i>Vi phạm về chất lượng công trình:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Để xảy ra lỗi không đảm bảo chất lượng trong quá trình thi công nhà thầu không tự kiểm soát mà do chủ đầu tư (hoặc tư vấn chủ đầu tư) phát hiện do hậu kiểm phải làm lại.</i></li> <li>+ <i>Có hiện tượng làm hồ sơ không đúng sự thật bị phát hiện phải làm lại.</i></li> <li>+ <i>Không đảm bảo chất lượng thi công gây sự cố sau khi đưa vào sử dụng.</i></li> <li>+ <i>Nhà thầu không thực hiện đúng theo thiết kế được duyệt hoặc không tuân thủ phương án thi công, phương án thi công hoặc do tự ý thay đổi thiết kế. Không bảo quản tốt vật tư thiết bị do Chủ đầu tư cấp để xảy ra hư hỏng làm giảm chất lượng vật tư thiết bị không thể sử dụng.</i></li> <li>+ <i>Các nội dung sai sót khác gồm: không ghi chép nội dung diễn biến trong sổ nhật ký thi công, không có mặt chỉ huy trưởng, các bộ kỹ thuật thi công trên công trường khi chủ đầu tư kiểm tra.</i></li> </ul> </li> </ul>

+ Không cung cấp các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành.

+ Không đảm bảo vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng.

+ Bị người dân, báo đài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chuyên gia của nhà tài trợ vốn phản ánh, nhắc nhở về tình trạng thi công không đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường hoặc không khắc phục triệt để, đúng yêu cầu các phản ánh, khiếu nại của người dân, báo đài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chuyên gia của nhà tài trợ;

+ Các vi phạm khác như:

▪ Vật tư thiết bị đưa vào lắp đặt cho công trình không đảm bảo chất lượng, không cử đúng thành phần cán bộ chủ chốt tham gia thi công công trình, không trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thi công không đảm bảo an toàn, chậm trễ lập hồ sơ chuẩn bị thi công, hồ sơ thi công, hồ sơ nghiệm thu, xác nhận khối lượng, hoàn công, quyết toán giữa các đơn vị liên quan, ...

▪ Sử dụng các thiết bị, máy móc thi công, thiết bị đo đạc, thí nghiệm, ... chưa được kiểm định và thiết bị hết hạn sử dụng trước khi đưa vào sử dụng cho công trình;

▪ Nhà thầu trả điện trễ hoặc tăng số lần cắt điện do nguyên nhân chủ quan của nhà thầu;

▪ Nhà thầu chậm trễ trong việc nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm trễ gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng, gia hạn bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm nộp bảo lãnh bảo hành theo quy định;

▪ Nhà thầu chậm trễ thử nghiệm, hiệu chỉnh và vận hành thử khi hoàn thành công trình theo yêu cầu của Chủ đầu tư;

▪ Nhà thầu chậm trễ trong việc nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm trễ gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng, gia hạn bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm nộp bảo lãnh bảo hành theo quy định.

**b) Mức phạt:**

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị phạt do sai sót về chất lượng thi công = tối đa 12 % x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm (tỷ lệ % tùy theo tính chất vi phạm do Chủ đầu tư tự quyết định).</li> <li>- Giá trị phạt do sai sót về an toàn lao động, vệ sinh môi trường = tỷ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (lần đầu tỷ lệ phạt là 2 %, lần thứ hai trở đi cứ mỗi lần vi phạm sẽ phạt 4 %, tối đa 12 %).</li> <li>- Giá trị phạt do chậm tiến độ được tính = tỷ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (cứ mỗi tuần chậm sẽ phạt 0,5 %, mức phạt tối đa đến 12 % sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng).</li> </ul> <p>Tổng giá trị phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng bị vi phạm, mức phạt đạt 12 % có thể xem xét chấm dứt hợp đồng..</p>
<b>E-ĐKC 49.2</b>	<p>Bồi thường thiệt hại: <b><i>Áp dụng</i></b>, mức bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế do Nhà thầu gây ra.</p> <p><i>Mức bồi thường = Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng.</i></p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả các hư hỏng, sự cố do bên nhận thầu gây ra như mua sắm lại VTTB, khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng,... do đơn vị thi công sai thiết kế, thi công không đảm bảo an toàn gây sự cố,... (<i>trường hợp bên nhận thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi phí này</i>).</li> <li>- Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 49.3</b>	Thưởng hợp đồng: <b><i>không áp dụng</i></b> .
	<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>
<b>E-ĐKC 54</b>	Thời gian bàn giao công trình: <i>Chủ đầu tư tiếp nhận công trình để đưa vào vận hành, sử dụng ngay sau khi công trình được nghiệm thu hoàn thành và có đầy đủ Biên bản nghiệm thu, hồ sơ hoàn công theo đúng quy định.</i>
<b>E-ĐKC 55.1</b>	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: <i>Trước ngày nghiệm thu hoàn thành tối thiểu 05 ngày, nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư tối thiểu 02</i>

	<i>bộ bản vẽ hoàn công và hồ sơ hoàn công, nghiệm thu công trình để phục vụ nghiệm thu hoàn thành.</i>
<b>E-ĐKC 55.2</b>	Số tiền giữ lại: <b>05%</b> giá trị hợp đồng tương ứng giá trị <b>63.591.575 đồng</b> , số tiền này sẽ được thanh toán sau khi nhà thầu chuyển cho Bên A giấy Bảo lãnh bảo hành.
<b>E-ĐKC 56.1(a)</b>	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong vòng <b>10 ngày</b> kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.